

Bản án số: 240/2023/DS-PT
Ngày: 06 - 3 - 2023
V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương
Bà Lê Thị Anh Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 414/DSPT ngày
11/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 368/2022/DS-ST ngày 29-8-2022 của Tòa án
nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/203/QĐ-PT ngày 16 tháng 01
năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Như H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 41F12, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng
Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Thái H, sinh năm 1973;
(có mặt)

Địa chỉ: Số 36, Khu phố H, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ
Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2022).

Bị đơn:

- Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1982;

- Bà Huỳnh Quốc N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 42, đường A, Khu phố H, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: 1056 đường T, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16/02/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thanh S, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Như H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H với ông Q, bà N quen biết nhau nên ông Q, bà N nhiều lần vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Tính đến ngày 02/02/2020, sau khi thống nhất, chốt lại số tiền còn nợ, ông Q bà N đã viết giấy vay tiền ghi ngày 02/02/2020 nội dung: *“Chúng tôi gồm Lê Thanh Q, Huỳnh Quốc N. Có vay của bà Phạm Thị Như H, số tiền 22.000.000.000đ (Hai mươi hai tỷ đồng) và hẹn sau ba tháng kể từ ngày hôm nay sẽ trả đủ số tiền trên cho bà H”*. Bên cho vay ký tên sau khi đã ghi nhận *“Đã giao đủ 22.000.000.000 đồng”* và bên vay ký tên sau khi đã ghi nhận *“Đã nhận đủ tiền vay 22.000.000.000 đồng”*. Ngoài ra, Giấy vay tiền còn thể hiện *“Giấy vay ngày 02/02/2020 sẽ thay thế cho tất cả các giấy vay tiền trước đây giữa Lê Thanh Q, Huỳnh Quốc N và Bà Phạm Thị Như H”*.

Quá trình thực hiện ông Q, bà N chỉ thanh toán được 03 lần với tổng số tiền là 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu) đồng. Như vậy, số tiền ông Q, bà N còn nợ của bà H là 21.620.000.000 đồng. Bà H yêu cầu ông Q, bà N phải thanh toán số tiền vốn gốc này.

Về lãi: Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm tương ứng 0.83%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ (03/5/2020) đến ngày xét xử vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 12/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận: Bị đơn có 39 lần chuyển khoản thanh toán tiền cho nguyên đơn, trong đó có:

- 03 lần chuyển khoản thanh toán trong thời hạn trả nợ với tổng số tiền là 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu) đồng; nguyên đơn đồng ý trừ số tiền này vào tiền nợ vốn gốc.

- 29 lần chuyển khoản thanh toán sau ngày 02/5/2020 với tổng số tiền là 4.614.827.198 đồng; đây là tiền lãi bị đơn thanh toán cho nên nguyên đơn tự nguyện đồng ý khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử vụ án mà bị đơn phải trả.

- Còn lại 07 chứng từ thể hiện các lần bị đơn chuyển khoản trước ngày 02/2/2020 với tổng số tiền 6.740.000.000 đồng, đây là khoản tiền bị đơn thanh toán cho các khoản nợ cũ, các khoản nợ này giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận giải quyết xong, được thay thế bằng Giấy vay tiền ngày 02/02/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vốn gốc là 21.620.000.000 đồng; nợ lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ (03/5/2020) đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất 0.83%/tháng là 5.000.561.866 đồng, khấu trừ vào tiền

lãi bị đơn đã thanh toán 4.614.827.198 đồng, còn lại 385.734.668 đồng; tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 22.005.734.668 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Quốc N và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn thừa nhận vay của bà H số tiền 22.000.000.000 đồng, nhưng số tiền thực tế vay và nhận của bà H chỉ có 18.920.000.000 đồng (từ ngày 17/11/2018 đến ngày 12/09/2021), còn lại 3.080.000.000 đồng là tiền lãi do bà H tính và cộng vào khi cho vay. Việc kết công nợ và lập giấy vay tiền ngày 02/02/2020 là thực hiện theo yêu cầu của bà H.

Ông Q, bà N xác định: Từ ngày 24/01/2019 đến ngày 28/01/2022, đã thanh toán cho bà H tổng cộng 11.734.827.000 đồng theo bản phô tô các chứng từ thể hiện các lần ông Q, bà N chuyển tiền cho bà H. Hiện bị đơn chỉ còn nợ bà H số tiền 10.265.173.000 đồng, xin được trả dần trong hạn 06 tháng kể từ ngày xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguyên đơn không chứng minh được việc bị đơn 07 lần chuyển khoản thanh toán trước ngày 02/02/2020 là trả cho các khoản vay khác và biên nhận nợ ngày 02/02/2020 không phải là hợp đồng vay mà là sự xác nhận giữa các bên về tổng số tiền giao dịch, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thanh toán đều đặn, không ngắt quãng kể cả khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, bị đơn vẫn chuyển khoản thanh toán thêm 1.000.000.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trình bày của bị đơn về việc chỉ còn nợ của nguyên đơn số tiền 10.265.173.000 đồng và cho bị đơn thời hạn 06 tháng để thanh toán.

Bản án dân sự sơ thẩm số 368/2022/DS-ST ngày 29-8-2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Như H:

Buộc ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N trả cho bà Phạm Thị Như H số tiền 22.005.734.668 đồng (hai mươi hai tỷ không trăm lẻ năm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó: nợ vốn gốc là 21.620.000.000 đồng, nợ lãi là 385.734.668 đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ khi bà Phạm Thị Như H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N chưa thanh toán thì hằng tháng ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N phải chịu 130.005.735 (một trăm ba mươi triệu không trăm lẻ năm nghìn bảy trăm ba mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Như H 66.552.616 (sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm mười sáu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0033215 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Ngày 08/9/2022, bị đơn ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 368/2022/DS-ST ngày 29-8-2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân. Lý do kháng cáo: Tòa sơ thẩm không xem xét tới số tiền mà ông Q, bà N đã trả trước đó cho bà H trong khi bị đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ của bị đơn là ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn vẫn liên tục trả nợ xuyên suốt cho nguyên đơn, do đó các khoản chuyển trả trước ngày ký giấy vay tiền cũng là khoản trả cho số tiền vay ngày 02/02/2020. Đề nghị phúc thẩm xem xét và chấp nhận sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung vụ án và kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Đối với 07 lần chuyển tiền trước ngày 02/02/2020, bị đơn không chứng minh được đây là khoản trả nợ vay và cũng không phù hợp với nội dung thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 02/02/2020 đã xác định về số nợ vay và thời hạn trả là sau 3 tháng. Kể từ ngày 03/5/2020, bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh nghĩa vụ lãi, do đó các khoản đã trả từ thời điểm này phải được đối trừ vốn lãi trước mỗi lần tính lãi tiếp theo. Do đó đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 22.005.734.668 đồng, gồm tiền vốn vay theo “Giấy vay tiền” ngày 02/02/2020 và khoản lãi tính từ ngày chậm trả 03/5/2020. Đây là số tiền còn lại sau khi trừ vào số tiền bị đơn đã trả từ sau ngày 02/02/2020.

[3] Bị đơn cho rằng số tiền thực tế vay nguyên đơn chỉ có 18.920.000.000 đồng, do nguyên đơn tính lãi cộng vào nên ghi vay 22.000.000.000 đồng, đã thanh toán 11.734.827.000 đồng, số nợ còn lại xin trả dần trong thời hạn 6 tháng.

[4] Xét chứng cứ chứng minh về số tiền vốn vay: Theo “Giấy vay tiền” ngày 02/02/2020 giữa bên cho vay là nguyên đơn và bên vay là bị đơn, ghi nhận cụ thể nội dung ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N có vay của bà Phạm Thị Như H số tiền 22.000.000.000 đồng. Cả hai bên đều đã nhìn nhận, đã ghi nhận trước khi ký tên về nội dung “*Đã giao đủ 22.000.000.000 đồng*” và “*Đã nhận đủ tiền vay 22.000.000.000 đồng*”. Nay bị đơn trình bày về tổng vốn vay và liệt kê danh sách tổng số 11 lần vay bằng số tiền 18.920.000.000 đồng nhưng không có chứng từ tài liệu chứng minh, trong khi nguyên đơn xác định số vốn vay là 22.000.000.000 đồng như Giấy vay tiền ngày 02/02/2020. Trang sau của Giấy vay tiền này hai bên còn ghi nhận giấy vay tiền này thay thế cho tất cả các giấy vay tiền trước đây. Bị đơn không có tài liệu, chứng từ biên nhận hay chứng cứ nào để chứng minh bác bỏ về số tiền vốn vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm nhận định và xác định số vốn vay 22.000.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 02/02/2020 do hai bên ký nhận, là có căn cứ.

[5] Về thực hiện thỏa thuận, tại “Giấy vay tiền” ngày 02/02/2020 bị đơn ghi cam kết “*hẹn sau ba tháng kể từ ngày hôm nay sẽ trả đủ số tiền trên cho bà H*”. Nội dung cam kết này đã thể hiện rõ ràng ý chí của bị đơn về việc sau ba tháng, kể từ ngày 02/02/2020 bị đơn sẽ trả đủ số tiền trên, tức là số tiền 22.000.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền cho bà H. Nội dung cam kết này cũng chứng minh tại thời điểm ngày 02/02/2020, bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 22.000.000.000 đồng nên mới cam kết sau ba tháng sẽ trả hết số tiền này cho bà H. Thực tế từ sau ngày ký giấy vay tiền, bị đơn trả cho nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 4.994.827.200 đồng (trong hạn 380.000.000 đồng và quá hạn 4.614.827.200 đồng).

[6] Đối với các giao dịch chuyển khoản của bị đơn thực hiện trước ngày 02/02/2020, nguyên đơn không thừa nhận là các khoản trả cho số tiền vay theo “Giấy vay tiền” ngày 02/02/2020 và cho rằng đây là các giao dịch khác. Xét nội

dung tại Giấy vay tiền đã xác định số nợ 22.000.000.000 đồng được bị đơn cam kết trả đủ sau ba tháng kể từ ngày 02/02/2020, như vậy vào thời điểm ký thì bị đơn đang còn nợ số tiền 22.000.000.000 đồng nên các khoản thanh toán trả nợ phát sinh sau thời điểm ký giấy mới được xác định là khoản trả nợ cho số tiền vay tại giấy vay tiền. Vì vậy, các giao dịch trước ngày 02/02/2020 không thể là trả cho số tiền vay 22.000.000.000 đồng vì không phù hợp nội dung cam kết tại “Giấy vay tiền” ngày 02/02/2020. Bị đơn không chứng minh được các khoản giao dịch chuyển khoản trước là để trả cho khoản vay theo Giấy vay tiền ngày 02/02/2020, trong khi nguyên đơn thì không thừa nhận, vì vậy sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[7] Theo “Giấy vay tiền” ngày 02/02/2020 không thỏa thuận về lãi, cam kết về thời hạn trả nợ vay là 3 tháng kể từ ngày ký. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ nên phải chịu khoản lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 03/5/2020, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Sơ thẩm xác định thời điểm và mức lãi suất áp dụng là đúng, tuy nhiên việc sơ thẩm tính lãi từ ngày 03/5/2020 đến ngày xét xử trên tổng vốn vay là không chính xác. Bởi lẽ, trong trường hợp này tiền lãi chỉ tính trên số vốn gốc quá hạn chưa trả, cụ thể là từ ngày ký giấy vay tiền đến trước ngày 03/5/2020 bị đơn đã trả 380.000.000 đồng, từ ngày 03/5/2020 đến 28/01/2022 bị đơn có trả nhiều lần với tổng số tiền 4.614.827.200 đồng, nên từng lần trả phải được trừ vào vốn gốc trước khi tính lãi tiếp theo đối với phần vốn gốc còn lại chưa trả.

Tổng vốn vay 22.000.000.000 đồng, đã trả vốn được 4.994.827.200 đồng (trong hạn 380.000.000 đồng và quá hạn 4.614.827.200 đồng), còn nợ vốn 17.005.172.800 đồng. Lãi phải trả từ ngày 03/5/2020 đến 29/8/2022 là 4.381.295.333 đồng. Tổng vốn và lãi phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 21.386.468.133 đồng.

[8] Về yêu cầu của bị đơn xin được trả dần số nợ trong thời hạn 6 tháng, xét yêu cầu này không là điều khoản thỏa thuận khi hai bên xác lập hợp đồng và nay không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận cho bị đơn.

[9] Từ nhận định trên, xét có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 368/2022/DS-ST ngày 29-8-2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N phải trả cho bà Phạm Thị Như H số tiền 21.386.468.133 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn với số tiền là 619.266.535 đồng.

3. Về án phí:

Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N phải chịu 129.386.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Như H phải chịu 28.770.661 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 66.552.616 đồng (Biên lai thu số AA/2021/0033215 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân); Hoàn trả cho bà Phạm Thị Như H số tiền tạm ứng còn lại là 37.781.955 đồng.

Án phí phúc thẩm: Đương sự không phải chịu; Trả lại cho Lê Thanh Q số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Biên lai thu số AA/2022/0009429 ngày 09/09/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng